

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 18-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 1980

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Chỉ thị số 295-TTg ngày 28-10-1980 của Thủ tướng Chính phủ về việc hạch toán tiền mua và bán hàng theo giá thoả thuận tại các địa phương

Bộ Tài chính, sau khi bàn và thống nhất ý kiến với Ngân hàng Nhà nước, hướng dẫn cụ thể một số điểm về thanh toán và quản lý vốn, vật tư, hàng hoá như sau:

I- ĐỐI VỚI HÀNG CÔNG NGHIỆP BÁN THEO GIÁ THOẢ THUẬN

1/ Hàng công nghiệp cấp I giao cho cấp II bán theo giá thoả thuận:

- Cấp I giao hàng cho cấp II bán theo giá thoả thuận thì cấp II phải thanh toán cho cấp I theo đúng số lượng và giá từng loại hàng bán cho người tiêu dùng theo giá thoả thuận đã được tính bình quân cho từng địa phương. Giá bình quân của mỗi loại hàng được xác định cho từng địa phương phải bảo đảm đủ chi phí lưu thông và lợi nhuận định mức cho từng loại và từng đơn vị sản phẩm của cấp II và một khoản chênh lệch để cấp II có thể vận dụng linh hoạt ở các vùng trong địa phương và trong từng thời gian:

Giá cấp I bán cho cấp II	Giá bán thoả thuận cho người tiêu dùng	Chiết khấu thương nghiệp cấp II (buôn + lẻ)	Khoản chênh lệch cấp I dành cho cấp II để vận dụng
--------------------------------	--	---	--

Ví dụ theo bảng giá thanh toán một số mặt hàng bán theo giá thoả thuận tại Nam bộ cũ đính kèm chỉ thị số 295-TTg:

+ Giá 1 tấn phân U-rê cấp I bán cho cấp II	=	12.000đ	-	2.000đ	=	10.000đ
+ Giá 1 lít ét xăng cấp I bán cho cấp II	=	15đ	-	3đ	=	12đ

Như vậy, 2.000đ cho 1 tấn U-rê hay 3đ cho 1 lít xăng là chiết khấu thương nghiệp cấp II và khoản chênh lệch dành cho cấp II để vận dụng. Số còn lại là 10.000đ/1 tấn U-rê, 12đ/1 lít xăng, cấp II phải thanh toán ngay cho cấp I mỗi khi nhận hàng của cấp I giao, theo giá quy định.

- Giá bình quân những loại vật tư, hàng hoá quan trọng mà cấp I giao cho cấp II do Chính phủ xét và quyết định; giá các loại vật tư hàng hoá khác do Bộ chủ quản và Ủy ban Vật giá Nhà nước quy định sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính và Ủy ban Nhân dân địa phương. Đối với những hàng tiêu dùng mà giữa giá chỉ đạo với giá thị trường tự do không có chênh lệch nhiều thì các địa phương theo giá chỉ đạo bán lẻ của Trung ương để định giá thích hợp, sát với giá thị trường để bán.

- Căn cứ vào giá bình quân do Chính phủ và Bộ chủ quản quy định, cấp II phân phối và chỉ đạo việc bán lẻ cho dân theo giá thoả thuận ở các vùng do địa phương quy định, bảo đảm quan hệ tỷ giá giữa hàng công nghệ phẩm bán ra theo giá thoả thuận với hàng nông phẩm mua vào theo giá thoả thuận trong phạm vi khung giá (có tối thiểu, tối đa) do Bộ chủ quản bàn với Ủy ban Vật giá Nhà nước hướng dẫn.

- Thực hiện việc thanh toán như trên sẽ phát sinh khoản chênh lệch giá ở cấp I (giá giao cho cấp II để bán theo giá thoả thuận (-) giá chỉ đạo; cấp I phải nộp vào Ngân sách Nhà nước khoản chênh lệch này sau mỗi lần giao hàng cho cấp II để Ngân sách Nhà nước bù giá mua lương thực, nông sản theo giá thoả thuận và bán theo giá cung cấp. Các xí nghiệp cấp I nộp vào tài khoản 780 "Quỹ dự trữ tài chính Trung ương".

2/ Hàng công nghiệp cấp II giao cho thương nghiệp cấp huyện để bán theo giá thoả thuận: là giá bán thoả thuận bán cho người tiêu dùng ở các vùng (gần đường giao thông, xa đường giao thông, ở xa thị trấn, ở nông thôn) ở từng thời gian, trừ (-) chiết khấu bán lẻ của cấp huyện, trừ (-) một mức chênh lệch cần thiết để cấp huyện vận dụng linh hoạt.

Ví dụ: 1 tấn phân U-rê:

- Ở huyện A bán cho dân theo giá thoả thuận 15.000đ

- Mức chiết khấu bán lẻ là 60đ

- Mức chênh lệch để cấp huyện vận dụng là 140đ

thì giá cấp II giao cho thương nghiệp huyện A là 14.800đồng, (15.000 - 60đ - 140đ).

Giá giao cho thương nghiệp huyện B, C . . . có thể cao hoặc thấp hơn huyện A, tùy theo chi phí bán lẻ và giá bán ở huyện ấy cao hơn hay thấp hơn so với huyện A.

Thực hiện biện pháp giá như trên, sẽ phát sinh một khoản chênh lệch giữa giá cấp II thanh toán với cấp I và giá cấp II giao cho cấp huyện. Cấp II nộp khoản chênh lệch ấy vào tài khoản tiền gửi ở Ngân hàng Nhà nước và báo cáo với cơ quan tài chính cùng cấp để giải quyết kịp thời những thay đổi về giá bán và giá mua ở các vùng trong địa phương. Sau mỗi quý hoặc mỗi vụ, sẽ thanh toán và nộp nốt số còn lại vào Ngân sách Nhà nước.

3/ Hàng công nghiệp thương nghiệp cấp huyện bán lẻ cho người tiêu dùng, là giá xấp xỉ với giá trên thị trường tự do. Để phát huy tác dụng của giá bán thoả thuận hàng công nghiệp, góp phần ổn định thị trường, giá cả, giá bán công nghệ phẩm có thể thấp hơn giá thị trường tự do một ít, nhưng không thấp hơn giá tối thiểu cấp trên quy định, và phải bảo đảm tỷ giá giữa hàng công nghiệp Nhà nước bán với giá nông phẩm Nhà nước mua. Trường hợp giá công nghệ phẩm trên thị trường tự do thấp hơn mức tối thiểu do trên quy định, thì đề nghị cấp trên định lại việc bán hàng công nghệ. Thực hiện biện pháp giá như trên, sẽ phát sinh một khoản chênh lệch giữa giá cấp huyện thanh toán với cấp II, với giá bán lẻ cho người tiêu dùng. Cấp huyện nộp khoản chênh lệch ấy vào tài khoản tiền gửi ở Ngân hàng Nhà nước và báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp, để giải quyết kịp thời những thay đổi về giá bán hàng công nghệ, giá mua nông sản thực phẩm phát sinh ở trong huyện. Sau mỗi quý hoặc từng vụ, thương nghiệp cấp huyện phải làm quyết toán hàng công nghiệp bán theo giá thoả thuận trong huyện theo sự hướng dẫn và kiểm tra của thương nghiệp cấp II và Ty hoặc Sở tài chính địa phương, nộp nốt số chênh lệch còn lại và lãi thu được vào ngân sách theo phân cấp Ngân sách Nhà nước.

4/ Định mức chiết khấu thương nghiệp cho các cấp kinh doanh:

Chiết khấu thương nghiệp ở mỗi cấp bao gồm những chi phí lưu thông, mức hao hụt hợp lý trong quá trình lưu thông và một mức lãi cho cơ quan kinh doanh. Chiết khấu

thương nghiệp đối với hàng công nghiệp bán theo giá thoả thuận là mức chiết khấu đã xác định cho từng loại hàng và tính theo đơn vị (tấn hoặc tạ hàng, mét vải, chiếc, cái . . .) cộng thêm những chi phí tăng thêm để thực hiện mua và bán theo giá thoả thuận (vì vốn tăng nên lãi vay vốn ngân hàng tăng lên . . .), cơ quan thương nghiệp cấp I hướng dẫn việc tính chiết khấu ở các cấp, tổng hợp, báo cáo lên Bộ chủ quản xét duyệt, sau khi có sự thoả thuận của Ủy ban Vật giá Nhà nước và Bộ Tài chính. Trong khi chờ đợi việc tính toán, tổng hợp và xét duyệt chiết khấu, các cấp cần căn cứ mức chiết khấu hiện hành (số chiết khấu tuyệt đối cho từng đơn vị hàng hoá) và cộng thêm một số chi phí cần thiết để làm căn cứ tính toán. Khi mức chiết khấu được duyệt chính thức sẽ điều chỉnh lại.

II- ĐỐI VỚI LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM, NÔNG SẢN CẤP II MUA THEO GIÁ THOẢ THUẬN GIAO CHO CẤP I

1/ Giá lương thực, thực phẩm, nông sản . . . cấp II mua theo giá thoả thuận giao cho cấp I: là giá thoả thuận đã mua của dân (+) cộng với thặng số thương nghiệp theo định mức (phí + lợi nhuận định mức) cho từng loại nông sản thực phẩm của cấp II, cộng (+) khoản thu khuyến khích giao nộp nông sản (nếu có) + thuế sát sinh (đối với gia súc).

- Để bảo đảm việc quản lý của Nhà nước, đồng thời bảo đảm cho địa phương có thể linh hoạt trong việc vận dụng giá thoả thuận, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ đã xác định là: giá thoả thuận các loại nông sản thực phẩm quan trọng, có khối lượng lớn, do Chính phủ quy định mức giá bình quân cho từng địa phương. Các địa phương căn cứ vào giá bình quân đó để vận dụng thích hợp với các vùng và trong từng thời gian, trong phạm vi khung giá (có tối đa và tối thiểu) do Bộ chủ quản thu mua phối hợp với Ủy ban Vật giá Nhà nước hướng dẫn.

2/ Trường hợp tỉnh này giao trực tiếp sản phẩm theo giá thoả thuận cho tỉnh khác theo kế hoạch phân phối của Trung ương thì cũng được giao theo giá nói trên.

3/ Giá nông sản, thực phẩm cấp I cung cấp cho cấp II tiêu thụ:

- Giá giao cho cấp II tiêu thụ, để bán theo giá đảm bảo kinh doanh là giá nhận của cấp II thu mua (nói ở điểm 1) cộng (+) thặng số thương nghiệp cấp I.

- Giá giao cho cấp II tiêu thụ để bán theo giá cung cấp theo định lượng là giá bán cung cấp ở nơi tiêu thụ, trừ (-) chiết khấu cấp II tiêu thụ (buôn + lẻ).

4/ Giải quyết chênh lệch lỗ giữa giá mua theo giá thoả thuận với giá bán cung cấp theo định lượng:

- Những địa phương được Chính phủ cho phép dùng sản phẩm thu mua theo giá thoả thuận để bán cung cấp theo định lượng phải lập kế hoạch bao gồm phần mua trong địa phương để tiêu thụ tại địa phương và phần nhận trực tiếp của địa phương khác (không kể phần do cấp I đưa về), tính ra số chênh lệch giữa giá mua với giá cung cấp theo định lượng để xin Bộ quản lý sản phẩm bù chênh lệch.

- Bộ quản lý sản phẩm chỉ đạo thương nghiệp cấp I tổng hợp kế hoạch bù chênh lệch lỗ của các địa phương và phần chênh lệch lỗ của cấp I, đề nghị Bộ Tài chính cấp bù; cấp I trực tiếp bù cho từng địa phương (phần chênh lệch lỗ của từng địa phương). Hàng tháng, quý, năm . . ., các cấp kinh doanh phải quyết toán số lượng sản phẩm mua theo giá thoả thuận bán theo giá cung cấp theo định lượng, số chênh lệch giá phải cấp bù, số chênh lệch giá đã được cấp bù; cấp II tổng hợp của cấp bán lẻ, báo cáo lên cấp I, qua Sở, Ty chủ quản và Sở Ty tài chính kiểm tra; cấp I tổng hợp quyết toán trong toàn ngành, báo cáo Bộ chủ quản và Bộ Tài chính.

- Những sản phẩm mua theo giá thoả thuận bán theo giá bảo đảm kinh doanh, Ngân sách Nhà nước không bù lỗ.

5/ Định mức thặng số thương nghiệp cấp II thu mua, cấp I và cấp II tiêu thụ hàng nông sản thực phẩm mua theo giá thoả thuận bán theo giá cung cấp.

Định mức thặng số thương nghiệp đối với loại hàng này được xác định theo phương pháp xác định chiết khấu thương nghiệp nêu tại điểm 4 phần I trên đây.

6/ Giá sản phẩm mà thương nghiệp huyện mua theo giá thoả thuận giao cho cấp II là: giá thoả thuận cộng (+) thặng số thu mua của cấp huyện và một khoản chênh lệch, có khống chế tối đa, để thương nghiệp cấp huyện có thể linh hoạt vận dụng giá mua thoả thuận, thích hợp với từng nơi và từng thời gian, đồng thời bảo đảm sự quản lý và kiểm tra của các cơ quan có trách nhiệm đối với hoạt động thương nghiệp ở cấp huyện. Giá mua thoả thuận giao cho cấp huyện phải được xác định cụ thể cho